

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 835/2023/HC-PT

Ngày: 21/11/2023

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành
chính trong quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Trần Xuân Thảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 597/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2023, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12735/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; Địa chỉ: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (theo Văn bản ủy quyền ngày 01/12/2021) (Có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thái D - Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 5733/GUQ-UBND ngày 08/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Y) (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

HKTT: 116/85/9 đường Nguyễn Thị T, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không rõ địa chỉ.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1950 (vắng mặt)

- Bà Bùi Thị C, sinh năm 1959(vắng mặt)

- Anh Nguyễn Quyết L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Chị Phạm Thị C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đều có HKTT: Thôn D, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Hoàng Thị Minh D; địa chỉ: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2021) (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh L, chị C: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999; Địa chỉ: TDP Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2021) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các lời khai tiếp theo người khởi kiện trình bày:

Bố mẹ bà Bùi Thị N là cụ Bùi Văn C (Sinh năm 1912, chết năm 1980) và cụ Nguyễn Thị S (Sinh năm 1913, chết năm 2010) có 03 người con gái là: bà Bùi Thị H, sinh năm 1950; bà Bùi Thị N, sinh năm 1955; bà Bùi Thị C, sinh năm 1959. Cụ C và cụ S có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất thừa đất số 26, tờ bản đồ số 60, gồm 453 m² đất ở và 89 m² đất ao và tài sản gắn liền với đất (gồm nhà cửa, công trình phụ, cây cối làm lộc trên đất..). Trước năm 2001, tại sổ mục kê được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Y, cụ C là chủ hộ sử dụng thừa đất có diện tích 453 m² đất thổ cư và 89 m² đất ao, nguồn gốc do ông cha để lại.

Năm 2001, UBND xã Y đo đạc lại và chia đất thành 03 thửa gồm: Thửa đất số 161 tờ bản đồ số 03 diện tích 189 m²; Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 220 m²; Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 203 m². Cụ S dự định chia đất cho các con như sau: Thửa đất ao (thửa đất số 162) cho bà H- mẹ chị T; Thửa đất có nhà và các công trình xây dựng khác cụ S đang ở (thửa đất số 186) thì chia cho mẹ con bà Bùi Thị N, do bà N có con trai, sống cùng cụ, chăm sóc, lo ma chay cho cụ sau này; Thửa đất còn lại (thửa số 161) thì cho bà C. Tuy nhiên gia đình chưa thực hiện họp gia đình để thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Tức là 03 thửa đất nêu trên (thửa đất 186, 161, 162) vẫn là tài sản chung của cụ C và cụ S chưa phân chia.

Năm 2002, bà Bùi Thị N có bàn bạc cùng cụ S, bà H, bà C cho phép xây dựng một ngôi nhà mới trên một phần diện tích đất của thửa đất nêu trên để cụ S có nơi ở ổn định và vừa để có nơi hương khói thờ cúng tổ tiên (cụ C và cụ S không có con trai). Đến năm 2004, con bà N là anh L có dọn vào sinh sống cùng cụ S để tiện chăm sóc vì khi đó cụ cũng đã già yếu. Năm 2008, vợ chồng anh L cải tạo, sửa chữa ngôi nhà cấp 4 cụ S xây năm 2002 đang ở thành ngôi nhà 02 tầng cùng nhà bếp và nhà vệ sinh (trên thửa đất số 186). Bà H và bà C cũng nhất trí việc xây dựng này không có ý kiến gì.

Năm 2010, cụ S chết, mẹ con bà N vẫn sinh sống và thờ cúng tổ tiên trên thửa đất số 186. Năm 2018, UBND xã Y mời gia đình bà N ra nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện ra thửa đất ban đầu của cụ C và cụ S đã được cấp thành 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001: thửa đất số 161, tờ bản đồ số 03, diện tích 189 m² mang tên bà Bùi Thị C; thửa đất số

162, tờ bản đồ số 03, 220 m² mang tên hộ cụ Nguyễn Thị S; thửa đất số 186, tờ bản đồ số 03, diện tích 203 m² mang tên hộ chị Nguyễn Thị T (con bà H).

Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, UBND xã Y vẫn giữ, gia đình bà N không hề hay biết gì về các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Trong đó thửa đất số 186 mà gia đình bà N xây dựng nhà trên đó để cụ S ở, phụng dưỡng cụ lúc tuổi già và thờ cúng tổ tiên lại mang tên hộ chị Nguyễn Thị T (con gái của bà Bùi Thị H).

Ngày 10/6/2021, bà N có đơn đề nghị “Về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 321673 do UBND huyện Y cấp cho chị Nguyễn Thị T” gửi Ủy ban nhân dân huyện Y.

Ngày 15/7/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y có Văn bản số 4674/UBND-TNMT đề ngày 15/7/2021 trả lời đề nghị của bà Bùi Thị N. Không đồng ý với nội dung trả lời đơn trên của Chủ tịch UBND huyện Y nên ngày 04/8/2021 bà N có đơn khiếu nại Văn bản số 4674/UBND-TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y.

Ngày 24/9/2021, bà N nhận được Thông báo số 251/TB- UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y đề ngày 26/8/2021. Nội dung thông báo: “... Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011, cơ quan chức năng nhận thấy, đơn khiếu nại của bà Bùi Thị N không đủ điều kiện thụ lý, giải quyết vì lý do: Văn bản số 4674/UBND-NV ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị N”

Việc không thụ lý đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y đối với bà N là không đúng vì: Thửa đất số 186 là đất có nguồn gốc ông cha để lại, là tài sản chung của vợ chồng cụ C, cụ S, cụ C đã chết không để lại di chúc nên thửa đất số 186 thuộc khối di sản chung chưa được phân chia cho những đồng thừa kế là bà N, bà H, bà C. Chị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 186 mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế, trong đó có bà N.

Thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là năm 2001, sau khi cụ C mất (năm 1980), cụ S vẫn là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất này. Trong trường hợp này cụ Nguyễn Thị S hoặc một trong các đồng thừa kế là bà H, bà N, bà C hoặc tất cả các đồng thừa kế phải dựa trên thỏa thuận phân chia di sản thừa kế mới có thể phân chia đất, chị T không phải là người thuộc diện được chia thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc. Bà H vẫn còn sống nên chị T không thể nhận thừa kế di sản của cụ C chết để lại được. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 321673 do UBND huyện Y cấp cho hộ chị Nguyễn Thị T ngày 30/9/2001 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² là không đúng đối tượng sử dụng đất. Bởi tại thời điểm năm 2001, cụ S vẫn người sử dụng, quản lý trực tiếp thửa đất này, trên thửa đất còn có một gian nhà tranh để ở và 01 gian nhà bếp được xây dựng từ khi cụ C còn sống. Việc Chủ tịch UBND huyện Y đưa ra nhận định là: “...Việc bà Bùi Thị N, thôn 4 D, xã Y đề nghị thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 321673 do

UBND huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở để giải quyết, do bà Bùi Thị N không cung cấp được một trong các giấy tờ chứng minh việc UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận QSD đất số K 321673” là không đúng.

Bà N đã làm đơn khởi kiện Chủ tịch UBND huyện Y đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y đối với bà N là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND huyện Y phải thu hồi văn bản trái pháp luật nêu trên, giải quyết đơn khiếu nại của bà N theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Y trình bày:

Ngày 06/8/2021, Chủ tịch UBND huyện Y nhận được đơn khiếu nại đề ngày 04/8/2021 của bà Bùi Thị N, nội dung khiếu nại toàn bộ Văn bản số 4674/UBND-TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc trả lời đơn của bà Bùi Thị N. Sau khi xem xét nội dung đơn, Chủ tịch UBND huyện giao Thanh tra huyện Y kiểm tra, xác định nội dung đơn khiếu nại của bà Bùi Thị N có đủ điều kiện thụ lý hay không đủ điều kiện thụ lý giải quyết, báo cáo, tham mưu đề xuất với Chủ tịch UBND huyện, kết quả như sau:

- Việc ban hành Văn bản số 4674/UBND-TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y về việc trả lời đơn đề nghị của bà Bùi Thị N, xã Y được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định.

- Văn bản số 4674/UBND-TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y là văn bản thông báo để bà Bùi Thị N biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 321673 do UBND huyện Y cấp ngày 30/9/2001 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 203m² cho chị Nguyễn Thị T, thôn D, xã Y được cấp đúng trình tự theo quy định (tại Thông tư số 346/1998/TT- TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD đất) nên không có cơ sở để thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 321673 do UBND huyện Y cấp ngày 30/9/2001 mang tên Nguyễn Thị T ở thôn D, xã Y.

Trình tự việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K321673 do UBND huyện cấp ngày 30/9/2001 cho chị Nguyễn Thị T đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã Y căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và các hồ sơ tài liệu kèm theo xét duyệt và đề xuất hình thức giải quyết trong đăng ký quyền sử dụng đất; UBND xã Y đã công khai hồ sơ đăng ký đất; lấy ý kiến nhân dân theo quy định và trình UBND huyện quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị T tại Quyết định số 457/QĐ-UB ngày 28/9/2001 và Quyết định số 528/QĐ-UB ngày 13/11/2001. Như vậy Văn bản số 4674/UBND TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y không liên quan đến quá trình thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 321673 do UBND huyện cấp ngày 30/9/2001 cho chị Nguyễn Thị T, do đó không trái pháp luật và không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị N.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 “*Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại*” thì bà Bùi Thị N khiếu nại toàn bộ Văn bản

số 4674/UBND-TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y là không đủ điều kiện thụ lý giải quyết. Từ những căn cứ trên Chủ tịch UBND huyện Y đã ban hành Thông báo số 251/TB-UBND ngày 26/8/2021 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện Y không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì Hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị N; Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Đại diện theo ủy quyền của anh L, chị C là chị Nguyễn Thị N trình bày: Năm 2008 được sự đồng ý của bà C, bà H, bà N nên vợ chồng anh L, chị C (con bà N) đã xây nhà 02 tầng trên thửa đất số 186, tờ bản đồ 03, diện tích 203 m², tại thôn D, xã Y, huyện Y. Quá trình xây dựng không có ai ngăn cản hoặc có ý kiến gì. Năm 2020, chị T khởi kiện đòi quyền sử dụng đất đối với anh L và bà N về thửa đất số 186, tờ bản đồ 03, diện tích 203 m² trên. Đến nay vụ án vẫn đang được Tòa án nhân dân huyện Y tạm đình chỉ với lý do cần thu thập tài liệu chứng cứ nên chưa đưa ra xét xử. Đồng ý với quan điểm của người khởi kiện về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Bà Bùi Thị H trình bày: Khoảng năm 2018, UBND xã Y mời chị em bà ra xã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 3 thửa đất cụ thể thửa đất số 161 đứng tên bà C, thửa đất số 162 đứng tên cụ S và thửa đất số 186 đứng tên chị T (con gái bà). Thủ tục cấp giấy chứng nhận như thế nào bà không biết và không có ý kiến gì.

- Chị Nguyễn Thị T không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai. Hiện nay không rõ địa chỉ, nơi cư trú của chị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 30, 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N về việc yêu cầu tuyên bố hành vi không thụ lý đơn khiếu nại theo Thông báo số 251/TB-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND huyện Y thụ lý đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại thể hiện tại Thông báo số 251/TB-UBND ngày 26/8/2021 về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là trái pháp luật, buộc thu hồi văn bản và giải quyết đơn khiếu nại theo đúng quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo. Vắng mặt người bị kiện, các bên đương sự không Nguyễn Thị T được với nhau về việc giải quyết vụ án,

Sau khi trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo và ý kiến tranh tụng, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm vì căn cứ của Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra là không đúng và căn cứ ra Thông báo số 251/TB-UBND ngày 26/8/2021 theo khoản 2 Điều 11 của Luật khiếu nại là không đúng pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT) đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị N làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Thông báo số 251/TB-UBND ngày 26/8/2021 là trái pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định căn cứ khoản 9 Điều 11 của Luật khiếu nại là không đúng vì đây là hai loại vụ án khác nhau. Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và sửa Bản án sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị N theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật. HĐXXPT nhận thấy nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 20/9/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, có mặt bà Hoàng Thị Minh Du là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, vắng mặt người bị kiện và vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng phiên tòa đã mở lần hai nên HĐXXPT quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đối tượng khởi kiện của vụ án: Ngày 10/6/2021, bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu UBND huyện Y thu hồi và hủy Giấy chứng nhận QSD đất số 321673 do UBND huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T (do cấp sai vị trí thửa đất). Ngày 15/7/2021, Chủ tịch UBND huyện Y có Công văn số 4674/UBND-TNMT về việc trả lời đơn đề nghị của bà N. Ngày 06/8/2021, bà N có đơn khiếu nại Công văn số 4674. Ngày 26/8/2021, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Thông báo số 251/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị N do không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì Công văn số 4674 không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N. Ngày 04/10/2021, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y là trái quy định pháp luật thể hiện tại Thông báo số 251/TB-UBND ngày 26/8/2021 và buộc Chủ tịch UBND huyện Y phải thu hồi văn bản trái pháp luật, giải quyết đơn khiếu nại của bà N theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bà Bùi Thị N khiếu kiện hành vi hành chính về giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/8/2021, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Thông báo số 251/TB-UBND về việc không thụ lý đơn khiếu nại của bà N đến ngày 24/9/2021 bà N nhận được văn bản. Ngày 04/10/2021, bà N khởi kiện đối với Chủ tịch UBND huyện Y vì vậy thời hiệu vụ án hành chính vẫn đảm bảo còn thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu thu thập được xác định bố mẹ bà N có diện tích 542m² nguồn gốc của thửa đất này là do ông cha để lại. Năm 2001, chia đất thành 03 thửa gồm: Thửa đất số 161 tờ bản đồ số 03 diện tích 189 m²; Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 220 m²; Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 3, diện tích 203 m². Năm 2001 UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa đất số 161, tờ bản đồ số 03 mang tên bà Bùi Thị C; thửa đất số 162, tờ bản đồ số 03 mang tên hộ cụ Nguyễn Thị S; thửa đất số 186, tờ bản đồ số 03, mang tên chị Nguyễn Thị T (con gái bà H).

Bà Bùi Thị N cho rằng thửa đất có diện tích 542 m² và tài sản trên đất là của bố mẹ bà N, khi bố mẹ bà N chết không để lại di chúc, bố mẹ bà N sinh được ba người con là Bùi Thị N, Bùi Thị H và Bùi Thị C. Bà N không biết thửa đất của bố mẹ bà N tách làm 3 thửa và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ S, bà C, chị T (con bà H), do vậy ngày 10/6/2021, bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu UBND huyện Y thu hồi và hủy Giấy chứng nhận QSD đất số 321673 do UBND huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T (do cấp sai vị trí thửa đất), việc bà N có đơn yêu cầu đến UBND huyện Y giải quyết vì liên quan đến quyền lợi của bà N là người được quyền thừa kế di sản của bố mẹ để lại là đúng pháp luật.

Ngày 15/7/2021, Chủ tịch UBND huyện Y có Công văn số 4674/UBND-TNMT về việc trả lời đơn đề nghị của bà N cho rằng việc bà Bùi Thị N đề nghị thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị T là không có cơ sở để giải quyết đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N vì bà N là người được thừa kế di sản của bố mẹ để lại, và bà N cho rằng khi còn sống mẹ bà N hứa cho ba người con gái trong đó có bà N nhưng chỉ có bà H (đã chuyển nhượng cho bà C), chị T (con gái bà H) và bà C được sử dụng đất.

Ngày 06/8/2021, bà N có đơn khiếu nại Công văn số 4674 của Chủ tịch UBND huyện Y, Chủ tịch UBND huyện Y phải thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Luật khiếu nại nhưng lại ra Thông báo số 251 TB-UBND ngày 26/8/2021 không thụ lý giải quyết cho rằng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N là trái pháp luật. Trong vụ án này, người khởi kiện đã khởi kiện hành vi hành chính về giải quyết khiếu nại nên bản Thông báo số 251 TB-UBND ngày 26/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y không phải là quyết định hành chính cá biệt mà chỉ là văn bản phản ánh việc thực hiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y trong giải quyết khiếu nại của công dân nên Thông báo số 251 TB-UBND ngày 26/8/2021 không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng vụ việc đã được thụ lý giải quyết là không đúng vì Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý tranh chấp đất đai giữa chị T và anh L, đây là vụ án tranh chấp dân sự, không phải vụ án hành chính theo quy định tại Khoản 9 Điều 11 của Luật khiếu nại năm 2011, vụ án tranh chấp dân sự đã được tạm đình chỉ trong đó có lý do để chờ kết quả giải quyết khiếu nại nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không đúng, cần chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị N, sửa án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện được chấp nhận nên bà Bùi Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Chủ tịch UBND huyện Y phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị N (do bà Hoàng Thị Minh Du là người đại diện theo ủy quyền) và sửa quyết định của Bản án sơ thẩm số 16/2022/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:

Căn cứ Điều 14 của Luật khiếu nại năm 2011;

Buộc Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc phải thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị N đối với khiếu nại Công văn số 4674/UBND-TNMT ngày 15/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc về việc trả lời đơn đề nghị của bà Bùi Thị N theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Bùi Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Chủ tịch UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/11/2023.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Xuân Trần Xuân Thảo

Ngô Quang Dũng

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự, (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Dũng